TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày: 09-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lưu Thị Hừng

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Thanh;
2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Quới là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Néang Ly-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lý Thùy Trang Th (T), sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 08, ấp An Hoà, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

Néang H, sinh năm 1969 (xin xét xử vắng mặt);

Chau Sóc N (Chau M), sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp Sà Lôn, xã LP, huyện TT, tỉnh An Giang.

3. Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Chau Sóc Siên, Cán bộ chi nhánh trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 huyện Tri Tôn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lý Thùy Trang Th trình bày:

Bà có làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/4/2018 (âm lịch) gồm 42 phần hụi, kết thúc vào ngày 10/8/2020 (âm lịch), hụi 20 ngày khui một lần, dây hụi này bà H có tham gia 01 phần hụi và đồng thời tham gia 01 phần hụi đối với dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 15/11/2017 (âm lịch) gồm 31 phần hụi, dây hụi kết thúc vào ngày 15/5/2020 (âm lịch), hụi một tháng khui một lần vào ngày 15 hàng tháng. Cả hai dây hụi này, bà H đã hốt hụi và bà đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H, ông N theo biên nhận ngày 21/9/2018 (âm lịch) và ngày 15/12/2017 (âm lịch) bà H và ông N có cùng ký tên. Cả hai dây hụi này, bà H chỉ chầu hụi được vài lần hụi chết và ngưng chầu. Để đảm bảo cho các dây hụi được tiếp tục hoạt động, bà đã chầu hụi thay là 80.000.000 đồng (gồm dây hụi ngày 30/4/2018 (âm lịch) chầu thay từ ngày 30/4/2019 (âm lịch) đến ngày 29/10/2019 (âm lịch) là 10 kỳ với số tiền là 50.000.000 đồng và dây hụi ngày 15/11/2017 (âm lịch) chầu thay từ ngày 15/5/2019 (âm lịch) đến ngày 15/10/2019 (âm lịch) là 06 kỳ với số tiền là 30.000.000 đồng), bà yêu cầu vợ chồng bà H, ông N cùng trả số tiền 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Néang H, Chau Sóc N trình bày: Bà H, ông N thừa nhận có chơi hụi và nợ tiền hụi như lời bà Th trình bày và có ký tên vào biên nhận ngày 21/9/2018 (âm lịch) và ngày 15/12/2017 (âm lịch), các biên nhận này do con dâu của ông, bà là Néang Sa R viết thay. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng chầu hụi chết đúng hạn. Nay bà Th yêu cầu vợ chồng ông, bà trả số tiền chầu hụi thay là 80.000.000 đồng (gồm dây hụi ngày 30/4/2018 (âm lịch) chầu thay 10 lần với số tiền là 50.000.000 đồng và dây hụi ngày 15/11/2017 (âm lịch) chầu thay 06 lần với số tiền là 30.000.000 đồng). Bà H, ông N đồng ý trả theo yêu cầu của bà Th nhưng xin trả dần, mỗi năm trả 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn Néang H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy, bị đơn bà H, ông N có tham gia hai dây hụi do nguyên đơn bà Th làm chủ, bà Th đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền hốt hụi cho bà H, ông N theo hai biên nhận ngày 21/9/2018 (âm lịch) và ngày 15/12/2017 (âm lịch) nhưng bà H, ông N không thực hiện nghĩa vụ chầu hụi chết đúng kỳ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi đã chầu thay là 80.000.000 đồng của các dây hụi ngày 30/4/2018 (âm lịch) chầu thay 10 kỳ với số tiền là 50.000.000 đồng và dây hụi ngày 15/11/2017 (âm lich) chầu thay 06 kỳ với số tiền là 30.000.000 đồng là

có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 02 tháng 12 năm 2019 bà Lý Thùy Trang Th có đơn khởi kiện yêu cầu bà Néang H, ông Chau Sóc N trả số tiền nợ hụi. Bà H, ông N cư trú tại tổ 11, ấp Sà Lôn, xã LP, huyện TT, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Néang H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau do bà Th làm chủ, gồm 02 dây hụi mở ngày 30/4/2018 (âm lịch) và dây hụi mở ngày 15/11/2017 (âm lịch) đều trị giá 5.000.000 đồng, bà H đã hốt hụi (lãnh họ) cả 02 dây hụi, bà Th đã giao đủ tiền hụi cho bà H, ông N theo hai biên nhận ngày 21/9/2018 (âm lịch), ngày 15/12/2017 (âm lịch) và đến thời điểm xét xử cả 02 dây hụi đều chưa đến kỳ kết thúc. Đối với dây hụi mở ngày 30/4/2018 (âm lịch) bà Th chầu thay từ ngày 30/4/2019 (âm lịch) đến ngày 29/10/2019 (âm lịch) là 10 kỳ với số tiền là 50.000.000 đồng và dây hụi ngày 15/11/2017 chầu thay từ ngày 15/5/2019 (âm lịch) đến ngày 15/10/2019 (âm lịch) là 06 kỳ với số tiền là 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà Th đã chầu thay cả hai dây hụi là 80.000.000 đồng, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà Néang H, ông Chau Sóc N trả số tiền chầu hụi thay là 80.000.000 đồng dứt điểm một lần và không yêu cầu tính lãi, bị đơn thừa nhận nợ và xin trả dần mỗi năm là 10.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng góp hụi được xác lập giữa bà Thanh với vợ chồng bà H, ông N trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các chủ thể tham gia có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp nên có hiệu lực làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ với nhau khi tham gia giao dịch. Đây là hợp đồng góp hụi có lãi, trong đó bà Th là chủ hụi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền hốt hụi (lĩnh họ) cho bà H đúng, đủ số tiền bà H, ông N được hưởng khi hốt hụi (lĩnh họ), ngược lại bà H, ông N không thực hiện nghĩa vụ chầu hụi chết đúng kỳ cho bà Th với dây hụi mở ngày 30/4/2018 (âm lịch) là 10 kỳ số tiền là 50.000.000 đồng, dây hụi mở ngày 15/11/2017 (âm lịch) là 06 kỳ với số tiền là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng nên việc bà Th kiện yêu cầu bà H, ông N trả số tiền 80.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc bà H và ông N trả cho bà Th số tiền 80.000.000 đồng.

Đối với việc bà H, ông N yêu cầu xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng

nhưng không được bà Th chấp nhận, đây là quyền quyết định, tự định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của bà H, ông N.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Néang H, ông Chau Sóc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch là 5% của số tiền 80.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu bà H, ông N phải trả. Bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 351, Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự;

Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thùy Trang Th đối với bà Néang H, ông Chau Sóc N.

Buộc bà Néang H, ông Chau Sóc N trả cho bà Lý Thùy Trang Th số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Néang H, ông Chau Sóc N phải chịu 4.000.000 (bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lý Thùy Trang Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0009552 ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bà Th, ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng